

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

THƠ LỤC BÁT CỦA NGUYỄN DU VÀ CỦA NGUYỄN DUY CÓ SAI VẤN LUẬT KHÔNG?

HOÀNG KIM NGỌC
(TS, Đại học Văn hoá Hà Nội)

Nhân đọc tập Tiểu luận phê bình “*Nhìn lại bến bờ*” do Nxb. Hội Nhà văn ấn hành cuối năm 2008, trong *Lời đầu sách* Ban biên tập cuốn sách này có viết: “*Như bất cứ tác phẩm lí luận phê bình nào, những quan điểm nêu ra trong cuốn sách chỉ là quan điểm cá nhân tác giả. Điều đó đồng nghĩa với việc chúng tôi mong muốn và chờ đợi những tranh luận khoa học, mang tinh thần dân chủ và trách nhiệm, khởi nguồn từ cuốn sách, có tác dụng hâm nóng không khí học thuật trên văn đàn*”, vì vậy, tôi mới nảy sinh ra ý định viết bài này để trao đổi thêm về vấn đề vần luật trong thơ.

Tôi xin trích nguyên văn một đoạn của tác giả cuốn sách:

“...Người ta khen Nguyễn Du thì khen viết hay nhưng khen về thi pháp lục bát của Nguyễn Du thì chết chắc! Toàn bộ Truyện Kiều, hơn một nửa sai thi pháp (vì gieo trật luật và cưỡng vận). Trần Đăng Khoa trong “*Chân dung và đối thoại*” trên web site (annonnymous. Online) cho rằng “*Sau kiệt tác Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du, những tướng lục bát đã khép lại, không ai còn dám bén mảng đến chân cái toà lâu đài châu ngọc mà nội thất toàn găm thêu ấy nữa. Nhưng đâu có phải. Nó còn mở bao nhiêu cánh cửa, hướng ra cõi vô biên. Lục bát còn thử thách bút lực các thi sĩ. Nói một cách thông thái như nhà văn Nguyễn Tuân: Anh là nhà thơ Việt Nam ư? Vậy anh hãy*

chiềng cho tôi mấy câu lục bát của anh, tôi sẽ nói ngay anh là hạng thi sĩ thế nào?” Lời sư tổ cao ngạo phát khiếp! Hãy xem Nguyễn Du với “*kiệt tác Truyện Kiều*” của mình gieo vận trong đoạn lấy đại này nha (chưa nói đến luật):

*Nghe chàng nói đã hết điều
Hai thân thì cũng quyết theo một bài
Hết lời không nhẽ chối lời
Cuối đầu nàng những ngẩn dài thơ than
Nhà vừa mở tiệc đoàn viên
Hoa soi ngọn đuốc, hồng chen bức là.*

Người ta nói “*ép dẫu, ép mỡ, ai nỡ ép người*”. Văn là người. Thơ là bộ phận của Văn nên nó cũng có tư cách của một con người. Làm sao mà thoải mái cho những cặp từ sau đây mà đồng âm: **điều - theo/ bài - lời/ lời - dài/ than - viên/ viên - chen?** Hoạ chẳng nói chại theo tiếng Quảng? vời - ngồi/ nang - nhòang, điều - thiêu/ bài - lòi/ lời - dòi/ viên - chiên... còn gì là thơ! Không biết sư ông Nguyễn Tuân cho Nguyễn Du là loại thi sĩ nào đây? Tiếp đến Phạm Quốc Ca... ca “*Nhà thơ tài hoa bậc nhất ở thể lục bát trong thời đương đại là Nguyễn Duy*” (*Mấy nhận xét về thể thơ trữ tình Việt Nam sau 1975 -2000*, Văn học Việt Nam sau 1975, Nxb.GD 2006) nghe mà ... thất kinh! Nói hay không bằng một thấy! Thử đọc lại bài “*Tre Việt Nam*” được dùng trong giảng dạy, một bài thơ ý mới và tu từ nhân hoá nhưng thi pháp 6 – 8 thì cưỡng vận sai gần hết bài.

Chưa nói tới luật, chỉ nói tới cách gieo vần, Nguyễn Duy nhà ta đã gieo vần như mẹ Cám trộn thóc với đậu mà bắt Tấm nhặt vậy: Này nha (Trích nguyên văn trong trang thơ Nguyễn Duy, anonymous.onlin.fr, trừ màu mè là của người viết):

Mỡ màu ít chất dồn lâu hoá **nhieu**
 Rễ siêng không ngại đất **nghèo**
 Tre bao nhiêu rễ bấy **nhieu** cần cù

Yêu nhiều nắng nỏ trời **xanh**
 Tre kia không ngại khuất **mình** bóng **râm**
 Bão bùng thân bọc lấy **thân**
 Tay vịn tay núp tre gần nhau **thêm**

Thương nhau tre chẳng ở **riêng**
 Lũy thành từ đó mà **nên** hời **người**
 Vắn nguyên cái gốc truyền **đời** cho **con**

Loài tre đâu chịu mọc **cong**
 Có manh áo cộc tre **nhường** cho **măng**

Măng non là búp măng **non**
 Đã mang dáng thẳng, thân tròn của **tre**
 Năm qua đi, tháng qua **đi**

Nhìn màu sắc tô đậm (cưỡng vận) của người viết bài này, nào ai có thể cho đây là bài thơ đúng luật 6/8?, chết liền! (...)

Đọc thơ, phân tích, bình thơ, đánh giá người đừng nhìn chúng trong lớp áo chủ nhân là quyền thế, bằng cấp, giải thưởng, huân chương mà hãy đặt chúng ngang hàng cùng một loại thì kết quả mới khả quan! Đừng “thấy người sang bắt quàng làm họ”. Người giàu... cái ấy cũng sang. Kẻ hèn có chữ cũng hàng đứa ngu! (...)” [**Nhìn lại bến bờ**, Nxb. Hội Nhà văn, H., 2008, tr. 431, 432,433]

Đọc đoạn phê bình trên chắc chúng ta cũng thấy rằng người viết chê những đoạn thơ đó của hai nhà thơ nổi tiếng Nguyễn Du

và Nguyễn Duy là đã gieo vần không đúng luật vì bị “cưỡng vận” và sai gần hết bài. Vậy, lời nhận xét đó có đúng không?

Trước hết, cần hiểu thế nào là vần thơ?

Vần thơ là sự hoà âm giữa hai hay nhiều âm tiết ở những vị trí nhất định trong dòng thơ, khổ thơ.

Cái tạo ra vần thơ chủ yếu là giống nhau ở khuôn vần và khác nhau phụ âm đầu, ví dụ:

Đôi ta làm bạn thong **dong**
 Như đôi đũa ngọc nằm **trong** mâm vàng
 (ca dao)

Có trường hợp giống nhau cả phụ âm đầu và khuôn vần nhưng phải khác nhau dấu thanh điệu (hiện tượng này ít hơn), ví dụ:

Cầu cong như chiếc lược **ngà**
 Sông dài mái tóc cung **nga** buông hờ
 (Nguyễn Bính)

Nếu trùng lặp hoàn toàn cả phụ âm đầu, khuôn vần và thanh điệu thì đó là hiện tượng lặp từ, nghèo nàn về vốn từ và là điều tối kỵ khi làm thơ, ví dụ:

Lớp ta quyết chí thi **đua**
 Giành giải học giỏi, thi **đua** nhất trường

Trong thơ lục bát, âm tiết cuối câu 6 vần với âm tiết cuối câu 8. Âm tiết cuối câu 8 lại vần với âm tiết cuối của câu 6 tiếp theo. Chữ kết thúc của các câu bao giờ cũng là thanh bằng. Nếu chữ kết thúc các câu là thanh trắc thì đọc lên nghe rất ngang tai, mà nếu muốn “thuận lỗ nhĩ” thì phải đọc theo kiểu thơ...

Bút Tre, ví dụ:

Em là cô giáo dạy **toan** (toán)
 Suốt ngày công thức với toàn số **liêu**
 (liệu)

Nhiều lúc như khóc như **mêu** (mếu)
 Học sinh không hiểu vẫn kêu khó **lắm**
 (lắm)

Đã giảng đến năm bảy lần
 Học sinh vẫn bảo cô cần giảng **lại** (lại)

Một điều đáng lưu ý là: hai âm tiết làm vần thơ trong câu bát bao giờ cũng cùng *âm điệu* và đối lập nhau về *âm vực*, tức là cùng mang thanh bằng nhưng nếu âm tiết thứ 6 của câu bát mang *thanh cao* thì âm tiết thứ 8 của câu bát lại mang *thanh thấp* và ngược lại. Hay nói khác đi nếu âm tiết thứ 6 của câu bát mang *thanh không dấu* thì âm tiết thứ 8 trong câu bát mang *thanh huyền* và ngược lại.

Dưới góc nhìn của ngữ âm học, chúng ta có thể thấy: Những nguyên âm làm âm chính trong những âm tiết gieo vần với nhau thường *đồng nhất cùng hàng* hoặc *cùng độ mở*.

Căn cứ vào vị trí cấu âm, độ nâng của mặt lưỡi và độ mở rộng hay hẹp của miệng, các nguyên âm chia ra:

- Nhóm nguyên âm hàng trước không tròn môi: *i, ê, e, iê, ia*
- Nhóm nguyên âm hàng sau tròn môi: *u, ô, o, uô, ua*
- Nhóm nguyên âm hàng sau không tròn môi: *ư, ơ, â, a, ă, ươ, ươ, ươ*
- Nhóm nguyên âm hẹp: *i, ư, u, iê, ươ, ươ*
- Nhóm nguyên âm hơi hẹp: *ê, ơ, â, ô*

(Nhóm hẹp và hơi hẹp còn gọi là nhóm nguyên âm *tối* thường gọi cảm giác u ám, tối tăm, buồn bã...)

- Nhóm nguyên âm rộng: *a, ă*
- Nhóm nguyên âm hơi rộng: *e, o*

(Nhóm rộng và hơi rộng còn gọi là nhóm nguyên âm *sáng*, thường gọi cảm giác rộng rãi, sáng sủa, vui vẻ...)

Hoặc những phụ âm cuối trong những âm tiết gieo vần với nhau có thể là cùng nhóm phụ âm *tắc* (p, t, c, ch) hoặc cùng nhóm phụ âm *vang* (m, n, ng, nh), tuy nhiên với điều kiện âm chính của những âm tiết ấy phải cùng nhóm nguyên âm và cùng nhóm thanh

điệu (cùng bằng hoặc cùng trắc), ví dụ: *tan* có thể vần với *tam, tang, tanh; tắc* có thể vần với *tắc, tắt; đêm* có thể vần với *miễn, em*.

Điều có thể vần với **theo**; **hiều** có thể vần với **nghèo** vì âm chính *iê* và *e* là cùng *hàng trước không tròn môi* và âm cuối *u* (trong âm tiết **hiều, điều**) và *o* (trong âm tiết **nghèo, theo**) tuy hai chữ nhưng là một âm / *u* / vì âm cuối / *u* / sẽ được viết là *o* nếu âm tiết có vần *ao* hoặc *eo*

Bài - lời - dài có thể vần vì âm cuối *i* **đồng nhất**, âm chính *a* và *ơ* cùng nhóm nguyên âm *hàng sau không tròn môi*

Viên - chen có thể vần được vì âm cuối *i* **đồng nhất**, âm chính *iê* và *e* cùng nhóm nguyên âm *hàng trước không tròn môi*

Râm có thể vần được với **thân** vì âm chính **đồng nhất** còn âm cuối *m* và *n* lại cùng nhóm *phụ âm vang*

Thêm - riêng - nên có thể vần được vì âm chính *ê* và *iê* cùng nhóm nguyên âm *hàng trước không tròn môi*. Và âm cuối *m - ng - n* lại cùng nhóm *phụ âm vang*.

Người - đời có thể gieo vần được vì âm chính *ươ* và *ơ* cùng nhóm nguyên âm *hàng sau không tròn môi*, âm cuối *i* **đồng nhất**.

Tre - đi có thể gieo vần vì âm chính *e - i* cùng nhóm nguyên âm *hàng trước không tròn môi*, âm cuối *Zero* **đồng nhất**

Mãng - cong có thể gieo vần vì âm chính *ă - o* cùng nhóm *nguyên âm sáng, rộng* và âm cuối *ng* cùng nhóm *phụ âm vang*

Sau - đâu có thể vần với nhau vì âm cuối *u* **đồng nhất** và âm chính *ă* được viết là *a* (lưu ý: âm tiết có vần *au, ay* như *đau, tay* thì âm chính *ă* được viết là *a, đau tay* đáng lẽ phải được viết là *đầu tãi*) trong âm tiết **sau** và âm chính *â* trong âm tiết **đâu** cùng nhóm nguyên âm *hàng sau không tròn môi*.

Nếu có bản khoản thì có lẽ là ở hai âm tiết **cong - nhường** trong câu thơ sau của Nguyễn Duy:

Loài tre đầu chịu mọc **cong*

*Có manh áo cộc tre **nhường** cho **măng***

Tất nhiên **cong - nhường** không vần được với nhau rồi, nhưng đây lại là câu thơ mà người phê bình đã dẫn nguồn sai. Đúng ra phải là:

*Loài tre đầu chịu mọc **cong***

*Chưa lên đã nhọn như **chông** lạ **thường***

*Lưng trần phơi nắng phơi **sương***

*Có manh áo cộc tre **nhường** cho **măng***

thì **cong** và **chông** hoàn toàn có thể gieo vần với nhau. Vì âm chính của **cong** là *o* và âm chính của **chông** là *ô* đều cùng nhóm nguyên âm *hàng sau tròn môi*; âm cuối *ng* lại hoàn toàn *đồng nhất*. Còn các âm tiết **thường**, **sương**, **nhường** mà gieo vần với nhau thì quá chuẩn rồi, không nên bàn cãi nữa.

Tất cả bài thơ “Tre Việt Nam” có 30 câu với 15 cặp lục bát, bao gồm 15 cặp âm tiết gieo vần, toàn bài gieo vần đều đúng nguyên tắc ngữ âm học.

Nếu có ép vần, cưỡng vận thì hình như chỉ có cặp **xanh - mình** trong thơ Nguyễn Duy:

*Yêu nhiều nắng nỏ trời **xanh***

*Tre kia không tự khuất **mình** bóng râm*

và cặp âm tiết **than - viên** vắt vần ở chữ cuối câu 8 dòng trên với chữ cuối câu 6 dòng dưới trong thơ Nguyễn Du:

*Hết lời không nhẽ chối **lời***

*Cuối đầu nằng những ngắn dài thở **than***

*Nhà vừa mở tiệc đoàn **viên***

*Hoa soi ngọn đuốc hồng chen bức **là***

Nhưng tại sao đọc những câu thơ này vẫn không thấy ngang tai? Có lẽ tại vì âm cuối của **xanh** và **mình**, **than - viên** đều đồng

nhất và hai cặp âm tiết này đều cùng nhóm thanh bằng. Phải chăng những âm tiết gieo vần với nhau thì âm cuối và thanh điệu có vai trò quyết định chính(?). Hãy so sánh: *tin* với *tim* có thể gieo vần nhưng *tim* với *tím* thì không thể.

Cả một “Truyện Kiều” mấy nghìn câu, có một số vận mẫu mà tác giả kia coi là ...sai thì pháp thì dưới góc nhìn ngữ âm học, gieo vần như thế đâu có gì sai?

Có lẽ không nên lớn tiếng chê vận luật thơ lục bát của Nguyễn Du và Nguyễn Duy quá lên như vậy!

Chúng ta vẫn hoàn toàn có thể tự hào về thơ lục bát cổ điển của Nguyễn Du và thơ lục bát đương đại của Nguyễn Duy, thể thơ mà chỉ Việt Nam mới có.

Tài liệu tham khảo và trích dẫn

1. Phạm Quốc Ca, *Mấy nhận xét về thể thơ trong thơ trữ tình Việt Nam 1975-2000* (in trong *Văn học Việt Nam sau 1975*, Nxb. Giáo dục, H., 2006).
2. Nguyễn Duy, *Cây tre Việt Nam* (in trong *Tiếng Việt lớp 4*, sách giáo khoa, Nxb. Giáo dục, H., 2008).
3. Nguyễn Thiện Giáp, *Giáo trình Ngôn ngữ học*, Nxb. Đại học Quốc gia, H., 2008.
4. Ngọc Thiên Hoa, *Nhìn lại bến bờ*, Nxb. Hội Nhà văn, H., 2008.
5. Trần Đăng Khoa, *Chân dung và đối thoại 8* (anonymous. Online.fr).
6. Hoàng Kim Ngọc, *Quy luật phân bố âm chính, âm cuối, thanh điệu trong những vần thơ Việt Nam*, (in trong *Tiếng Việt thực hành*, Giáo trình dành cho sinh viên Khối trường Văn hoá, Nghệ thuật và Du lịch, tái bản lần thứ 5, Nxb. Văn hoá Thông tin, H., 2009, tr. 44, 45, 48, 50).
7. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm học tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia, H., 2003.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 16-3-2009)